

**HUYỆN ỦY TAM ĐƯỜNG
BẢN TUYÊN GIÁO**

*

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN THÁNG 6/2023
(Dùng cho MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội; BCV, TTV cơ sở)

Tam Đường, tháng 5 năm 2023

Phần 1

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO NỘI BẬT CỦA TỈNH, HUYỆN THÁNG 5/2023

1. Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh Lai Châu khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026

Kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh khóa XV được tổ chức ngày 20/5/2023; đồng chí Giàng Páo Mỹ - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các đồng chí Thường trực HĐND tỉnh chủ trì kỳ họp.

Tại kỳ họp các đại biểu đã nhất trí biểu quyết thông qua 05 Nghị quyết quan trọng gồm: Nghị quyết Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết Kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi một số nội dung Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011 - 2020.

Phát biểu bế mạc, đồng chí Giàng Páo Mỹ - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm hướng dẫn cụ thể để các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; kịp thời phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh báo cáo kết quả Kỳ họp, tuyên truyền các Nghị quyết HĐND tỉnh đến đông đảo cử tri và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh; phối hợp giám sát chặt chẽ các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua.

2. Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” huyện Tam Đường

Ngày 16/5/2023, Huyện ủy Tam Đường tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Đặng Thanh Sơn- Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Các đồng chí Thường trực Huyện ủy- HĐND - UBND huyện; đại biểu các ban, ngành, đoàn thể; Bí thư các Chi bộ, Đảng bộ trực thuộc Huyện ủy và các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng.

Qua 02 năm triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, nhận thức về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện Tam Đường tiếp tục được nâng lên rõ rệt, trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, từ đó giúp tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hành động, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, đảm bảo an ninh quốc phòng, nhất là công tác trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc tồn đọng, kéo dài ở cơ sở đã cơ bản được giải quyết; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên. Nhiều mô hình hay, điển hình có ý nghĩa thiết thực, hiệu quả được xây dựng có sức lan tỏa trong toàn Đảng bộ.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Đặng Thanh Sơn- Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã ghi nhận, biểu dương những kết quả mà Tam Đường đạt được trong triển khai thực hiện Kết luận 01- KL/TW, đồng thời đề nghị trong thời gian tới các cấp ủy đảng, chính quyền, các địa phương, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, người đứng đầu từ huyện đến cơ sở cần thực hiện có hiệu quả việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao; cần xây dựng và nhân rộng những mô hình hiệu quả, cách làm hay, sáng tạo, thiết thực của các tập thể và cá nhân điển hình tiến tiến trong toàn huyện. Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời cũng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện việc học tập làm theo Bác hàng tháng, quý...

Cũng tại hội nghị, các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu đã cùng giao lưu, chia sẻ về cách làm hay, sáng tạo và kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Chủ tịch UBND huyện đã khen thưởng cho 32 tập thể, 12 hộ gia đình và 67 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 -2023.

Phần 2

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

I. Kết luận số 54-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ

Ngày 09/5/2023, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 54-KL/TW về “Tiếp tục thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá trong nội bộ”. Kết luận này được phổ biến đến chi bộ, công khai để Nhân dân biết, giám sát.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 99-QĐ/TW gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện nghiêm, có hiệu quả Quyết định số 99-QĐ/TW gắn với Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, các quy định có liên quan của Đảng, nhất là quy chế dân chủ ở cơ sở; tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đóng góp ý kiến, phản ánh, giám sát biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

2. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật có liên quan, tiếp tục cụ thể hoá phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" sát với thực tiễn; thực hiện có hiệu quả pháp luật về dân chủ ở cơ sở, tiếp cận thông tin, những quy định liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp. Đề cao trách nhiệm tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của cán bộ, đảng viên, nhất là người

đứng đầu, cán bộ ở cơ sở. Tăng cường mối liên hệ mật thiết của cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng, Nhân dân nơi cư trú.

3. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân; tiếp nhận, trả lời, giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị chính đáng, hợp pháp, khiếu nại, tố cáo của công dân và những vấn đề Nhân dân quan tâm, dư luận bức xúc. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả cơ chế bảo vệ, khuyến khích người dân phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

4. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác vận động Nhân dân tích cực tham gia đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, trách nhiệm thực thi công vụ. Quan tâm, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng khác.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW; định hướng thông tin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; xử lý nghiêm minh, kịp thời cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kịp thời thông tin kết quả xử lý cán bộ vi phạm theo phản ánh, kiến nghị của Nhân dân. Phát hiện, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có cách làm sáng tạo, hiệu quả; nhân rộng mô hình tốt trong thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW.

II. Kết quả Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 15/5/2023 đến ngày 17/5/2023, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp Hội nghị giữa nhiệm kỳ. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì và có các bài phát biểu quan trọng khai mạc, bế mạc Hội nghị.

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định Hội nghị giữa nhiệm kỳ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; là dịp để đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả, thành tựu đã đạt được từ đầu nhiệm kỳ đến nay, chỉ ra những hạn chế, yếu kém tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; dự báo bối cảnh tình hình mới với những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; đề từ đó, đề ra những chủ trương, quyết sách lớn cần phải tập trung lãnh

đạo, chỉ đạo thực hiện trong nửa cuối của nhiệm kỳ khóa XIII, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Về Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ và một số nhiệm vụ trọng tâm đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh giá cao sự chuẩn bị và nhất trí cao với các nội dung nêu trong Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay; cho rằng, việc kiểm điểm của tập thể và cá nhân Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã được chuẩn bị rất nghiêm túc, chu đáo, bài bản, cầu thị và có tính tự phê bình sâu sắc. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn, dân chủ, khách quan, chân tình, tâm huyết, thể hiện rõ chính kiến trong việc thảo luận, cho ý kiến vào các nội dung trong Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ và một số nhiệm vụ trọng tâm đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng. Các nội dung thảo luận tập trung gắn chặt công tác kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong bối cảnh, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, bất thường và khó khăn, phức tạp so với dự báo cũng như so với cùng thời điểm các nhiệm kỳ trước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung phân tích, làm rõ, nêu bật những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém; phân tích nguyên nhân và rút ra 05 bài học kinh nghiệm về việc đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc. Trên cơ sở phân tích, dự báo về bối cảnh, tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu chỉ đạo tập trung, ưu tiên triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm trong nửa cuối của nhiệm kỳ khóa XIII: phát triển kinh tế; phát triển văn hóa, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh, tổ chức thật tốt các hoạt động đối ngoại; đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tập trung chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

3. Về việc lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất nhận định việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là một trong những nội dung đổi mới rất quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, qua đó, giúp các đồng chí được lấy phiếu tự nhìn nhận lại mình

để điều chỉnh, tiếp tục phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao trách nhiệm nêu gương, trình độ, năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, giúp Bộ Chính trị có thêm thông tin để đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, qua đó củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng. Xuất phát từ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề trên, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, dân chủ, khách quan, công tâm, nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo kiểm điểm cá nhân của từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư; căn cứ từ thực tế quan hệ công tác đã thể hiện rõ chính kiến về mức độ tín nhiệm đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII của Đảng.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thi hành kỷ luật Khai trừ ra khỏi Đảng đối với đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Bí thư Ban cán sự đảng, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; biểu quyết, thống nhất để đồng chí Nguyễn Phú Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội thôi giữ chức Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII; cho ý kiến về nhân sự một số cơ quan Trung ương đề Bộ Chính trị quyết định giới thiệu Quốc hội khóa XV bầu, phê chuẩn theo quy định tại Kỳ họp thứ 5.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng sau Hội nghị này, với niềm tin mới, khí thế mới, động lực mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ tiếp tục đoàn kết, phấn đấu với quyết tâm và nỗ lực cao hơn nữa; năng động, sáng tạo hơn nữa để sáng suốt nắm bắt mọi thời cơ, thuận lợi; vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức; hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho cả nhiệm kỳ khóa XIII.

III. Một số điểm mới nổi bật trong Quy chế thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Ngày 24/3/2023, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT sửa đổi một số điều Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT (sửa đổi tại Thông tư 05/2021/TT-BGDĐT). Trong đó có các điểm mới sau:

1. Sửa quy định về các vật dụng thí sinh được phép mang vào phòng thi

Cụ thể tại Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT đã sửa đổi quy định về các vật dụng thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được phép mang vào phòng thi như sau:

Chỉ được mang vào phòng thi: Bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính; máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thẻ nhớ; Atlas Địa lý Việt Nam đối với môn thi Địa lý.

(So với Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, Quy chế mới đã bỏ quy định thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT được phép về việc được mang các loại máy ghi âm, ghi hình chỉ có chức năng ghi thông tin nhưng không thể nghe, xem và không thể truyền, nhận được thông tin, tín hiệu âm thanh, hình ảnh trực tiếp nếu không có thiết bị hỗ trợ khác vào phòng thi.)

2. Sửa đổi quy định về hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Đối với hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc đối tượng là người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi thì thành phần hồ sơ sẽ bao gồm:

- 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau;
- Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu (gọi chung là bản sao) học bạ THPT Hoặc học bạ GDTX cấp THPT hoặc phiếu kiểm tra của người học theo hình thức tự học đối với GDTX do Hiệu trưởng trường phổ thông cấp;
- Các loại chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có);
- File ảnh (hoặc 02 ảnh 4x6 trong trường hợp đăng ký dự thi trực tiếp) kiểu căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

Như vậy Quy chế mới tại Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT, thành phần hồ sơ của đối tượng là người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi đã bỏ **quy định về bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.**

Ngoài ra, còn **bổ sung quy định về file ảnh (hoặc 02 ảnh 4x6 trong trường hợp đăng ký dự thi trực tiếp) kiểu căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng với trường hợp đăng ký trực tuyến**

3. Thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023 có thể đăng ký bằng 02 hình thức

Theo khoản 3 Điều 1 Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 13 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT thì thí sinh là người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi được đăng ký dự thi trực tuyến hoặc đăng ký dự thi trực tiếp tại trường phổ thông nơi học lớp 12.

(Hiện hành tại điểm a khoản 1 Điều 13 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, thí sinh người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi thực hiện đăng ký dự thi tại trường phổ thông nơi học lớp 12.)

4. Sửa đổi quy định về điểm ưu tiên trong xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023

Liên quan đến điểm ưu tiên xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023 cho một số đối tượng thuộc diện 2 và diện 3, Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 39 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Đối với người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thuộc diện 2 được cộng 0,25 điểm:

Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước);

Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp THPT;

(Hiện hành, yêu cầu phải có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày thi)

- Đối với người dân tộc thiểu số thuộc diện 3 được cộng 0,5 điểm:

Người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học tập cấp THPT từ 03 năm trở lên ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định 135/QĐ-TTg năm 1998 (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

Xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương;

(Tại Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, các đối tượng thuộc diện 3 (cộng 0,5 điểm) là người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở các địa phương theo quy định của Quy chế hiện hành.)

5. Không còn sự giám sát của thanh tra trong quá trình chấm phúc khảo bài thi tự luận

Cụ thể quy định về việc chấm phúc khảo bài thi tự luận trong thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được quy định tại Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT như sau:

Mỗi bài thi tự luận do hai CBChT chấm phúc khảo theo quy định tại Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT và phải được chấm bằng mực có màu khác với màu mực được dùng chấm trước đó trên bài làm của thí sinh.

Trong khi tiến hành các công việc liên quan đến phúc khảo, phải có ít nhất từ hai thành viên của Ban Phúc khảo bài thi tự luận trở lên.

Như vậy, so với Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, **không còn quy định về sự giám sát của thanh tra trong quá trình tiến hành các công việc liên quan đến phúc khảo.**

6. Bổ sung thành phần Hội đồng ra đề thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT đã sửa đổi bổ sung điểm c, điểm d khoản 2 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT quy định về thành phần Hội đồng ra đề thi như sau:

- Ủy viên, thư ký, người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật là công chức, viên chức của các đơn vị thuộc Bộ GDĐT; trong đó, ủy viên thường trực là công chức thuộc Cục QLCL;

(So với hiện hành, bổ sung người lao động của các đơn vị thuộc Bộ GDĐT có thể trở thành thành phần Hội đồng ra đề thi)

- Người soạn thảo đề thi và phản biện đề thi là công chức, viên chức ngành Giáo dục hoặc các viện nghiên cứu; giảng viên cơ hữu, giáo viên cơ hữu đang công tác tại các cơ sở giáo dục. Mỗi bài thi/môn thi có một Tổ ra đề thi gồm Tổ trưởng và người soạn thảo đề thi, phản biện đề thi

(Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT đã bổ sung thêm giảng viên cơ hữu tại các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng soạn đề thi và phản biện đề thi trong Hội đồng ra đề thi)

IV. Hỏi - đáp về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống

Câu 1. Tảo hôn là gì?

Trả lời:

Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật (điểm a, khoản 1 Điều 8 Luật HN-GĐ năm 2014: Nam từ đủ 20 tuổi trở lên; Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên).

Câu 2. Tảo hôn mang lại những hậu quả gì?

Trả lời:

- Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe bà mẹ trẻ em
- Nảy sinh nhiều mâu thuẫn gia đình do hôn nhân không có tình yêu

- Làm suy giảm chất lượng dân số, suy thoái giống nòi
- Hạn chế sức lao động
- Ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội
- Vi phạm pháp luật về hôn nhân, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng

Câu 3. Pháp luật xử lý như thế nào khi có trường hợp tảo hôn xảy ra?

Trả lời:

Người nào có hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn, tùy theo mức độ vi phạm đối với từng trường hợp cụ thể có thể xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trước hết, khi có hành vi vi phạm, người tảo hôn và người tổ chức tảo hôn sẽ bị xử phạt theo quy ước thôn, bản nơi mình sinh sống.

Bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 47, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn bị xử phạt hành chính cụ thể như sau:

- Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn;
- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc chấm dứt quan hệ đó:

Đồng thời, người nào đã bị xử phạt hành chính về hành vi tổ chức tảo hôn mà còn vi phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức tảo hôn theo quy định tại Điều 183, Bộ Luật Hình sự năm 2015, cụ thể:

Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

Câu 4. Thế nào là những người có cùng dòng máu về trực hệ?

Trả lời:

Khoản 17 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Những người cùng dòng máu về trực hệ là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau.

Câu 5. Thế nào là những người có họ trong phạm vi ba đời?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha, mẹ là đời thứ nhất, anh, chị cùng cha, mẹ cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba.

Câu hỏi 6: Thế nào là hôn nhân cận huyết thống?

Trả lời:

Kết hôn cận huyết thống là hôn nhân giữa nam và nữ trong cùng họ hàng thân thuộc chưa quá ba thế hệ. Nói cách khác, hôn nhân cận huyết thống là hôn nhân giữa nam và nữ có cùng dòng máu về trực hệ hoặc những người có họ hàng thân thuộc trong phạm vi ba đời.

Câu 7: Hôn nhân cận huyết thống gây ra hậu quả gì cho gia đình và xã hội?

Trả lời:

Hôn nhân cận huyết thống gây ra hậu quả xấu đối với gia đình và xã hội, đó là:

- Con sinh ra hay mắc các bệnh di truyền và dị tật như: Sứt đờ kháng kém, hay mắc các bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch; Bệnh mù màu (không phân biệt được màu sắc); Bệnh down (đao), đần độn do thiếu năng trí tuệ; Còi cọc, kém phát triển về chiều cao và cân nặng, giảm tuổi thọ; Hay mắc bệnh bạch tạng, bệnh da vảy nến, đặc biệt là bệnh tan máu bẩm sinh, nguy cơ tử vong rất cao.

- Là gánh nặng của gia đình và xã hội:

+ Làm suy giảm chất lượng dân số, suy thoái giống nòi

+ Ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội

- Vi phạm pháp luật về hôn nhân, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng

Câu 8. Thế nào là cản trở kết hôn, ly hôn?

Trả lời:

Theo khoản 10 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cản trở kết hôn, ly hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để ngăn cản việc kết hôn của người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này hoặc buộc người khác phải duy trì quan hệ hôn nhân trái với ý muốn của họ.

Câu 9: Xử phạt hành chính đối với hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người có họ trong phạm vi ba đời hoặc có dòng máu trực hệ như thế nào?

Trả lời:

Khoản 35 Điều 1, Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bố trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.0000 đồng đối với hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người có cùng dòng máu về trực hệ.

Câu 10: Xử lý việc chung sống như vợ chồng dưới tuổi luật định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 7, Điều 3 Luật HNGĐ năm quy định: Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng

Chung sống với nhau như vợ chồng dưới tuổi luật định (Hai bên nam nữ chung sống như vợ chồng; một hoặc cả hai bên nam nữ chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định) là hành vi tảo hôn và vi phạm pháp luật. Hai bên nam nữ không được công nhận là quan hệ vợ chồng.

Hành vi tảo hôn là hành vi bị cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tùy vào tính chất và mức độ mà hành vi tảo hôn bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Phần 3

TUYÊN TRUYỀN CÁC NGÀY NGÀY KỶ NIỆM

I. Kỷ niệm 112 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911-05/6/2023)

Trong bối cảnh đầu thế kỉ XX, dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến, chứng kiến đất nước trong cảnh lầm than, nhân dân ta "Một cổ hai tròng", bị chà đạp, áp bức, bóc lột tàn bạo, nhiều phong trào yêu nước đã nổ ra như phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Yên Thế, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh, phong trào Đông kinh nghĩa thực của Phan Bội Châu,... nhưng tất cả đều thất bại.

Ngưỡng mộ và kính trọng lòng yêu nước, dũng cảm, kiên cường của các bậc tiền bối, với tấm lòng yêu nước sâu sắc, sự trăn trở về vận mệnh dân tộc. Sau khi nghiên cứu con đường cứu nước của các phong trào yêu nước trước đó, với sự nhạy cảm chính trị của một trí tuệ thiên tài, Người đã có một sự lựa chọn đầy dũng cảm, hoàn toàn khác

biệt với các bậc tiền bối, là sang Pháp, sang phương Tây, đến tận “sào huyệt” của kẻ thù để xem xét họ làm ra sao, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình.

Ngày 05/6/1911, tại Bến Nhà Rồng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành với tên gọi Văn Ba, khi đó mới 21 tuổi, trên con tàu Amiral Latouche Tréville, đã khởi hành sang Pháp, ra đi tìm con đường cứu nước, cứu dân. Bến Nhà Rồng trở thành điểm khởi đầu trên con đường cách mạng của Người, nơi mở ra cuộc hành trình của ý chí, niềm tin và khát vọng kiếm tìm con đường để cứu nước, giải phóng dân tộc, cũng là cuộc hành trình hướng về những giá trị nhân văn cao cả, vì sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và dân tộc trong tương lai.

Suốt 30 năm bôn ba qua nhiều quốc gia, Người trải qua rất nhiều công việc, thông qua hoạt động thực tiễn trong phong trào công sản, công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, đồng thời qua việc tìm hiểu, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập kinh nghiệm của các đảng công sản, Cách mạng Tháng Mười Nga... Người cho rằng: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản của V.I.Lênin. Cũng từ đây, Người trở thành người công sản Việt “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” Tháng 7/1920, Người đọc được tới Hội nghị Véc-xây. “Yêu sách của nhân dân An Nam” Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Sau đó, tháng 6/1919, thay mặt Hội Những người yêu nước Việt Nam, dưới tên Nguyễn Ái Quốc, Người gửi bản Nam đầu tiên và từng bước truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, làm chuyển biến về chất phong trào cách mạng trong nước, mà biểu hiện tập trung nhất, chính là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 03/02/1930).

Ngày 28/01/1941 Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước trực tiếp lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện khát vọng đấu tranh giải phóng dân tộc. Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương 8, Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp. Hội nghị chỉ rõ “sau khi đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Sau khi tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Nam dân chủ mới...”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm nên những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn sinh động của sự nghiệp đổi mới là minh

chứng hùng hồn khẳng định chân lý: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử".

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng chủ trương càng phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, độc lập dân tộc là mục tiêu, tiền đề và là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, không có độc lập dân tộc thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội; còn xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm tăng cường nguồn lực vật chất - kỹ thuật ngày càng dồi dào hơn; xây dựng đất nước hùng cường, tạo cơ sở, nền tảng vững chắc để giữ vững độc lập dân tộc".

Hướng đến kỷ niệm 112 năm (05/6/1911- 05/6/2023), ngày ra đi tìm đường cứu nước của Người thanh niên Nguyễn Tất Thành, từ chuyến đi lịch sử Người đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Dù Người đã đi xa, nhưng Đảng ta, dân tộc ta nguyện sẽ mãi mãi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, xây dựng thành công Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

II. Kỷ niệm 114 năm ngày thành lập tỉnh Lai Châu (28/6/1909-28/6/2023)

1. Lai Châu qua các thời kỳ lịch sử

Lai Châu là tỉnh nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, nơi đây là địa bàn có con người cư trú từ rất sớm. Tại các di chỉ khảo cổ ở hang Thẩm Múa (Búng Lao), Thẩm Khương (Chiềng Sinh) thuộc huyện Tuần Giáo và Nậm Phé, Nậm Tun thuộc huyện Phong Thổ đã tìm thấy các công cụ của thời kỳ đồ đá cũ, đồ đá giữa và đồ đá mới. Ngoài ra, các nhà khảo cổ còn tìm thấy ở Lai Châu những công cụ bằng đồng của nền văn hóa Đông Sơn thuộc thời đại Hùng Vương như: trống đồng Tuần Giáo, trống đồng Mường Thanh, trống đồng Na Ngum (Điện Biên), trống đồng Chiềng Nưa (Mường Lay) trống đồng Mường So (Phong Thổ)...

Thời Hùng Vương, Lai Châu thuộc bộ Tân Hưng; thời Lý thuộc lộ Đà Giang; thời Trần thuộc châu Ninh Viễn; thời Lê thuộc trấn Gia Hưng. Năm 1463, trấn Hưng Hóa được thành lập gồm 3 phủ: Gia Hưng, Quy Hóa, An Tây gồm một vùng đất đai, sông núi rộng mênh mông tương đương với các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Phú Thọ ngày nay. Lai Châu lúc đó thuộc phủ An Tây. Phủ An Tây có 10 châu: châu Lai, châu Luân, châu Quỳnh Nhai, châu Chiêu Tấn, châu Tùng Lãng, châu Lễ Tuyền, châu Hoàng Nham, châu Hợp Phì, châu Tuy Phụ và châu Khiêm.

Đời Lê Cảnh Hưng (1740-1768) miền đất này có 6 châu: Tùng Lãng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ, và Khiêm bị nhà Thanh (Trung Quốc) đánh chiếm. Phủ An Tây chỉ còn 4 châu: châu Chiêu Tấn, châu Quỳnh Nhai, châu Lai và châu Luân.

Thời Tây Sơn, vua Quang Trung đã làm một biểu gửi vua nhà Thanh (Trung Quốc) đòi lại 6 châu đã bị nhà Thanh chiếm nhưng không được chấp nhận.

Năm 1882, thực dân Pháp đánh chiếm Bắc kỳ lần thứ hai, đã đặt kế hoạch xâm chiếm tỉnh Hưng Hóa. Thời điểm này, tỉnh Hưng Hóa nằm trong Quân khu Tây, thuộc Đạo quan binh thứ tư (theo Nghị định của toàn quyền Đông Dương ngày 20/8/1891). Sau đó Đạo quan binh thứ tư tách thành Tiểu quân khu Vạn Bú và Tiểu quân khu Lai Châu. Ngày 10/10/1895, hai tiểu quân khu trên sáp nhập thành tỉnh Vạn Bú. Ngày 7/4/1904, tỉnh lỵ tỉnh Vạn Bú chuyển về Sơn La. Đến ngày 23/8/1904, tỉnh Vạn Bú đổi thành tỉnh Sơn La.

Ngày 28/6/1909, Toàn quyền Đông Dương Klobukowski ra Nghị định thành lập tỉnh Lai Châu gồm: Đạo Lai (châu Lai, châu Quỳnh Nhai và phủ Luân Châu) và châu Điện Biên với phủ Tuần Giáo, dân số khoảng 4 vạn người. Đến ngày 27/3/1916, tỉnh Lai Châu lại chuyển thành Đạo quan binh thứ tư theo chế độ quân quản. Mãi tới ngày 4/9/1943, chế độ quân quản ở Lai Châu mới bị bãi bỏ. Trong thời kỳ dài thống trị Lai Châu, thực dân Pháp đều đặt Lai Châu dưới chế độ quân quản, có một thời gian ngắn chúng áp dụng chế độ cai trị hành chính.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới chính thể mới của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Lai Châu có một số thay đổi về địa giới hành chính. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Lai Châu nằm trong chiến khu 2 cùng với Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Hòa Bình, Ninh Bình, Sơn La. Sau đó Lai Châu nhập vào chiến khu 10 và một phần chiến khu 1 thành liên khu Việt Bắc. Năm 1948, Lai Châu và Sơn La hợp nhất thành tỉnh Sơn Lai. Ngày 12/1/1952, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 145-TTg tái lập lại hai tỉnh Lai Châu và Sơn La. Ngày 26/1/1953, để củng cố căn cứ địa Tây Bắc mới giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 134-SL thành lập Khu Tây Bắc gồm các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu tách khỏi Liên khu Việt Bắc. Đồng thời, Khu ủy Tây Bắc cũng ra Quyết định chuyển huyện Thuận Châu từ tỉnh Sơn La sang tỉnh Lai Châu.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, Lai Châu được giải phóng, hòa bình được lập lại trên miền Bắc nước ta. Ngày 29/4/1955, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 230-SL thành lập Khu tự trị Thái - Mèo, các châu (huyện trước đây) trực thuộc Khu, không có cấp hành chính tỉnh. Ngày 27/10/1962, kỳ họp thứ năm Quốc hội khóa II đã ra Nghị quyết đổi tên Khu tự trị Thái - Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc và thành lập lại 3 tỉnh trong khu là: Lai Châu, Nghĩa Lộ và Sơn La. Tỉnh Lai Châu lúc đó gồm 7 huyện: Điện Biên, Tuần giáo, Tủa Chùa, Mường Tè, Mường Lay, Phong Thổ, Sinh Hồ và thị trấn Lai Châu.

Ngày 27/12/1975, Khu tự trị Tây Bắc giải thể. Tháng 12/1977 thành lập thị trấn Mường Lay và Sìn Hồ. Ngày 18/4/1992, thành lập thị xã Điện Biên Phủ. Ngày 7/10/1995 thành lập huyện Điện Biên Đông. Ngày 26/9/2003 Chính phủ ra Nghị định thành lập thành phố Điện Biên Phủ. Ngày 14/1/2002 Chính phủ ra Nghị định số 08-2002/NĐ-CP về việc “Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mường Tè, huyện Mường Lay để thành lập huyện Mường Nhé”.

Nhằm tạo điều kiện cho tỉnh Lai Châu nói riêng và cả vùng Tây Bắc nói chung có sự phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, vững chắc hơn trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá XI, tháng 11/2003 đã ra Nghị quyết về điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh Lai Châu thành hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Tỉnh Lai Châu sau khi được chia tách gồm 4 huyện của tỉnh Lai Châu trước đây và tiếp nhận huyện Than Uyên của tỉnh Lào Cai, với diện tích tự nhiên trên 9 ngàn km² gồm 5 huyện, 86 xã, thị trấn, với trên 30 vạn người thuộc 20 dân tộc anh em cùng chung sống.

2. Kinh tế - xã hội Lai Châu

1.1- Về kinh tế

Thời phong kiến, kinh tế của Lai Châu rất lạc hậu, hoàn toàn là nông nghiệp; nghề trồng trọt trở thành nguồn sống chủ yếu; chăn nuôi, thủ công nghiệp là nghề phụ. Trình độ sản xuất của các dân tộc ở các khu vực không đồng đều, nhiều dân tộc đã biết sử dụng cày bừa, con dao, cái cuốc nhưng vẫn còn có dân tộc dùng gậy để chọc lỗ tra hạt. Đời sống của nhân dân chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên, đúng như câu cửa miệng của dân tộc Thái: “Miếng cơm từ đất, thức ăn ở rừng”. Nhiều dân tộc vẫn quen lối sống du canh, du cư. Nền kinh tế còn mang nặng tính tự cấp, tự túc; kinh tế hàng hóa chưa phát triển. Do vậy, cuộc sống của đồng bào không ổn định, thiếu đói thường xuyên xảy ra. Bên cạnh đó, đồng bào phải chịu áp bức bóc lột của chế độ phong kiến là các tạo bá, tạo muông. Người dân phải đi lính, đi ở, cống nạp theo luật tục nên nền kinh tế Lai Châu rất trì trệ, kém phát triển.

Thời thuộc Pháp, để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho người Pháp và một số quan lại địa phương, thực dân Pháp cho một số Hoa Kiều và người Kinh ở dưới xuôi lên mở cửa hiệu buôn bán ở thị trấn Lai Châu, Tuần Giáo, Điện Biên. Cả tỉnh chỉ có 3 chợ tại trung tâm tỉnh lỵ, Điện Biên Phủ và Tuần Giáo. Từ cái kim, sợi chỉ, dầu hoả, muối... đều được mang từ dưới xuôi lên hoặc do các lái buôn Trung Quốc mang sang, nhưng số lượng hàng hoá trao đổi rất ít. Thủ công nghiệp ở Lai Châu gần như không có gì ngoài dệt bông sợi, nhuộm vải, nghề rèn của người Dao, nghề bạc và đóng thuyền của người Thái. Năm 1939 khai thác đá đen được tiến hành, ngoài ra còn có đãi vàng ở dọc sông Đà.

Cũng vào năm 1939 thực dân Pháp đưa lên Lai Châu một máy phát điện chạy bằng củi để phục vụ thắp sáng cho bọn thống trị.

Thực dân Pháp và tay sai đã áp dụng nhiều biện pháp để tăng thuế, nhằm vơ vét thêm nhiều tài sản của nhân dân. Thời nhà Nguyễn, chủ yếu là thuế trực thu đánh vào ruộng đất hoặc đầu người là thuế thân, chưa có thuế gián thu. Riêng ở vùng cao, đồng bào các dân tộc chỉ phải đóng thuế hộ; song từ năm 1897 thực dân Pháp đã quyết định thu cả hai loại thuế trực thu và gián thu. Người dân vừa phải chịu suu cao thuế nặng lại phải đi lính, đi phu. Số ngày phu tính theo hộ, một năm thường là 3 tháng, có khi tới 5-6 tháng với tiền công rẻ mạt, lại bị đánh đập, áp bức mấy chục vạn nhân công, đã có rất nhiều người bị chết, nhiều người bị bắt đi lao dịch làm gia đình, vợ con ly tán.

Thực dân Pháp và bọn tay sai còn duy trì các hình thức bóc lột phong kiến như chế độ "cuông", "nhốc", "puộc". Để có mảnh ruộng cày cấy, những "cuông", "nhốc" đến mùa phải đi làm cho chủ trước, bao giờ hết việc mới được về làm ruộng của gia đình. Không những thế "cuông", "nhốc" còn phải làm tất cả mọi việc lặt vặt của nhà chủ vào những ngày lễ tết và cả ngày thường. Khi săn bắn được con hươu, con gấu, lấy được tổ ong... đều phải nộp cho chủ đúng quy định; việc ma chay, cưới xin, tiệc tùng đều phải được chủ đồng ý. Người dân còn phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi con cháu của các thổ ty đi học ở Đà Lạt, Hà Nội.

Từ khi cai trị Lai Châu, dựa vào phong tục, tập quán của địa phương, thực dân Pháp cho phép bọn quan lại được hưởng một vài quyền lợi đặc biệt, ngoài số lương bổng hàng tháng đã hưởng. Hàng năm ngoài thu nhập về thuế lúa ruộng, bọn tạo mường còn đặt ra lệ "khâu nguyệt, khâu trạn" bắt bất cứ người "cuông", "nhốc" hay nông dân nhận phần ruộng công đều phải nộp các loại lệ phí. Chúng còn duy trì chế độ "côn hươn", "gái xoè", "nàng hầu". Thực chất là người ở trá hình mà bất cứ bọn thống trị nào từ cấp tổng trở lên đều có. Các hình thức bóc lột trên, không những chỉ duy trì đối với bọn quan lại địa phương mà cả bọn thực dân Pháp cũng tham gia kiểu bóc lột dã man trên, khiến cho đời sống của nhân dân vô cùng khó khăn, cực khổ.

2.2. Về xã hội

Năm 1930 tỉnh Lai Châu có 6,6 vạn người. Năm 1936 có 6,7 vạn người. Năm 1954 có 8 vạn người.

Thời Pháp thuộc, giao thông ở Lai Châu chưa phát triển. Năm 1933, do nhu cầu khai thác tài nguyên ở Sơn La, Lai Châu, thực dân Pháp cho mở con đường số 41 (nay là Quốc lộ 6). Đến năm 1939, con đường này nối liền Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Lai Châu. Ngoài ra, còn có đường dân sinh Sa Pa - Lai Châu được mở vào năm 1939; đường đi Trung Quốc qua đường A Pa Chải được xây dựng vào năm 1940 và một số sân bay

tại trung tâm tỉnh lỵ Điện Biên, Quỳnh Nhai, Phong Thổ được xây dựng chủ yếu phục vụ cho quân sự và vận chuyển hàng hóa.

Sân bay Mường Thanh (Điện Biên Phủ hiện nay) do Pháp xây dựng năm 1939 chủ yếu phục vụ cho mục đích quân sự. Sau khi Điện Biên được giải phóng, qua nhiều lần cải tạo, nâng cấp, tuyến đường hàng không Hà Nội - Điện Biên Phủ đã được mở lại và hoạt động thường xuyên nhằm phục vụ khách đến thăm quan, du lịch Điện Biên Phủ và đáp ứng nhu cầu đi lại của cán bộ, đồng bào các dân tộc Lai Châu với các tỉnh miền xuôi. Các sân bay dã chiến: Bình Lư, Phong Thổ, Tuần Giáo, thị xã Lai Châu trước đây được Pháp dùng để vận chuyển hàng hóa, binh lính, chiến sự. Nhìn chung việc thực dân Pháp cho xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm mục đích phục vụ quân sự và đàn áp bóc lột đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Về giáo dục, y tế, khoa học không được người Pháp quan tâm. Đa số nhân dân các dân tộc không được học hành, một số trường lớp được người Pháp xây dựng chủ yếu phục vụ con em quan lại phong kiến địa phương. Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn dùng chính sách chia rẽ dân tộc, du nhập truyền bá lối sống văn hoá thực dân, khuyến khích dùng rượu cồn, thuốc phiện nhằm làm suy nhược nòi giống, làm mai một truyền thống văn hoá các dân tộc. Vì vậy người dân rất bất bình, căm ghét bọn thực dân, phong kiến nên khi có Đảng lãnh đạo, đồng bào đã một lòng, một dạ theo Đảng để xây dựng cuộc sống mới độc lập, tự do, hạnh phúc.

Kho tàng văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trong tỉnh từ bao đời nay để lại khẳng định, Lai Châu có nền văn hóa phát triển từ rất sớm, độc đáo, phong phú và đa dạng. Các công trình kiến trúc mang đậm bản sắc dân tộc như tháp Chiềng Sơ, tháp Mường Luân, thành Bản Phủ... nhiều dân tộc có chữ viết như dân tộc Thái, dân tộc Dao... đã ghi chép được nhiều diễn biến về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trong tỉnh. Qua giao lưu đã làm phong phú truyền thống văn hoá dân tộc, các dân tộc còn tiếp thu được nhiều nền văn hóa của các dân tộc khác. Nhờ có chữ viết mà các tác phẩm văn học có giá trị của địa phương được lưu truyền như: Sóng chụ son sao, Tản chụ xiết xương (truyện thơ dân tộc Thái); truyện kể dân gian của người La Hủ về Chàng Lú Nàng Ủa, dựa vào truyền thuyết của người Khơ Mú mà sáng tạo ra trường ca Trương Han... Các điệu múa xòe, múa nón, múa sạp rộn ràng, duyên dáng của người Thái; cùng các điệu múa ô, múa khèn của người Mông; múa trống, múa Tăng Bu của người Khơ Mú... đã góp phần làm cho kho tàng nghệ thuật của đồng bào các dân tộc Tây Bắc thêm phong phú, đa dạng. Những bàn tay khéo léo của các cô gái Thái, Mông, Dao... đã tạo nên những trang phục đẹp giữ bản sắc văn hoá như váy, áo, khăn piêu... làm phong phú nền văn hoá đa dạng của các dân tộc Lai Châu.

3. Truyền thống xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước của Nhân dân các dân tộc Lai Châu

Từ xa xưa nhân dân các dân tộc Lai Châu đã kề vai sát cánh bên nhau để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Vào thế kỷ XIII, công trình phòng thủ được các Chúa Lự xây dựng ở phía Nam cánh đồng Mường Thanh (nay thuộc xã Sam Mứn, huyện Điện Biên) để chống lại những cuộc tấn công của kẻ địch. Theo sách Hưng Hóa kỷ lược, tương truyền trong thành có 3 vạn cối giã gạo bằng guồng nước và chứa được 3 vạn dân đinh nên được gọi là thành Tam Vạn. Thành rất lớn, rộng khoảng 100 mẫu ruộng, cao một trượng, ngoài có hào lũy bao bọc, có đồn canh chính đặt trên một quả đồi cao cạnh hồ U va, từ đó có thể nhìn bao quát toàn bộ cánh đồng Mường Thanh.

Thế kỷ XV, trước sự xâm lăng của giặc Minh (Trung Quốc), vua Lê Lợi đã đem quân lên Lai Châu đánh dẹp quân xâm lược. Quân đội triều đình đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ, giúp đỡ. Khi một giải đất biên cương của tổ quốc được bình yên, vua Lê Lợi đã nhắc nhở người đời sau về nơi “phên dậu” của tổ quốc, vào mùa đông năm Tân Hợi 1431, Lê Lợi đã khắc bài thơ ở vách đá Pú Huổi Chò mà sử sách gọi là Bia cổ Hoài Lai (Đại Nam nhất thống chí) gần thị xã Lai Châu trên đường vào huyện Mường Tè (nay thuộc xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn) nhằm khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Tổ quốc.

Thế kỷ XVIII, triều đình phong kiến trung ương bạc nhược không còn đủ sức kiểm soát miền Tây Bắc nước ta. Nhân cơ hội đó, giặc Phẻ do Phạ Châu Tin Tông cầm đầu từ miền Thượng Lào tràn sang đánh chiếm Mường Thanh. Bọn chúng đánh đuổi các chúa Lự chạy bạt lên vùng Mường Lự (Bình Lự) và Sinh Hồ, chiếm cánh đồng Mường Thanh và thành Tam Vạn. Đi đến đâu chúng cướp phá thậm tệ, giết hại nhân dân tới đó. Trước những hoạt động dã man của giặc Phẻ, nhiều thủ lĩnh người Thái và các dân tộc khác đã tổ chức nhân dân để chống giặc ngoại xâm, nhưng vì lực lượng yếu nên đều bị thất bại.

Năm 1754 hay tin Hoàng Công Chất, lãnh tụ phong trào nông dân vùng Sơn Nam (Thái Bình, Nam Định) đang từ miền thượng du Thanh Hóa tiến lên Tây Bắc, hai thủ lĩnh người Thái là Ngải và Khanh đã liên kết, phối hợp với nghĩa quân tổ chức tiến công thành Tam Vạn. Giặc Phẻ chống trả quyết liệt, nghĩa quân Hoàng Công Chất và hai thủ lĩnh Ngải, Khanh được nhân dân ủng hộ đã chiến đấu dũng cảm và giành thắng lợi quan trọng. Tướng giặc Phạ Châu Tin Tông bị giết chết, số còn lại bỏ chạy sang Lào.

Sau 18 năm (1751-1769) hoạt động ở Tây Bắc, chủ yếu ở vùng Mường Thanh, Hoàng Công Chất và nghĩa quân đã quét sạch giặc ngoại xâm ra khỏi biên giới, thu hồi

toàn bộ những vùng đất đai bị chiếm giữ, giải phóng nhân dân khỏi ách thống trị tàn bạo, dã man của ngoại bang, mang lại cho nhân dân các dân tộc Tây Bắc nói chung, Lai Châu nói riêng một cuộc sống ổn định. Hoàng Công Chất và nghĩa quân của ông được nhân dân các dân tộc Lai Châu yêu mến, đùm bọc, tình nghĩa xuôi ngược ngày càng gắn bó.

Thế kỷ XIX, trong suốt thời kỳ nhà Nguyễn cai trị, cả nước hầu như không lúc nào yên ổn. Miền Tây Bắc, nhất là Mường Thanh cũng nằm trong tình trạng chung như vậy. Hết giặc Lự, giặc Muông lại đến giặc Xiêm (Thái Lan), giặc Cờ Vàng sang cướp phá, làm cho bản làng tan hoang, bệnh dịch, nạn đói liên tiếp xảy ra. Nhân dân đã nhiều lần nổi dậy chống quan quân triều đình và bọn phong kiến tay sai địa phương, đồng thời tự động tổ chức, tập hợp dưới cờ của tù trưởng Mường Muối Bạc Cầm Ten chống giặc Xiêm ở Mường Thanh, của tù trưởng người Khơ Mú tên là Chương Han chống lại giặc Cờ Vàng.

Từ khi thực dân Pháp đem quân xâm lược Việt Nam (năm 1858). Triều đình nhà Nguyễn bắt lặc, đầu hàng quân xâm lược. Căm thù hành động cướp nước của thực dân Pháp, bất bình trước sự nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn, hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhân dân nhiều nơi đã nổi dậy đánh Pháp.

Trong suốt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc Lai Châu đã kề vai sát cánh cùng nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của kẻ thù, nổi bật là các cuộc đấu tranh của Tuần phủ Hưng Hoá Nguyễn Quang Bích và các thủ lĩnh người địa phương và khu vực Tây Bắc là Đèo Văn Trì, Nguyễn Văn Quang, Lường Sám, Giàng Tả Chan... đã tập hợp lực lượng, xây dựng phòng tuyến tổ chức chiến đấu chống thực dân Pháp. Nhiều cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt giữa lực lượng kháng chiến với kẻ thù, làm cho thực dân Pháp thiệt hại rất nhiều về người và của. Chúng vô cùng hoảng sợ trước tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, vì vậy với thủ đoạn thâm độc chúng vừa mua chuộc, dụ dỗ những người trong lực lượng kháng chiến, vừa tập trung lực lượng quân đội tổ chức đàn áp để tiêu diệt các cuộc đấu tranh ở Lai Châu và khu vực Tây Bắc. Các cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh rất anh dũng, kiên cường nhưng cuối cùng đều thất bại. Phải chờ đến khi có Đảng lãnh đạo, nhất là sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, đồng bào các dân tộc trong tỉnh đã một lòng một dạ tin theo Đảng, cùng quân dân cả nước chiến đấu bảo vệ quê hương. Cho đến năm 1954 khi chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta, quê hương Lai Châu sạch bóng quân thù, đồng bào các dân tộc trong tỉnh phấn khởi được sống trọn vẹn trong độc lập, tự do, hạnh phúc.

Phát huy truyền thống 114 năm xây dựng và phát triển, toàn thể cán bộ, đảng viên, Nhân dân các dân tộc Lai Châu quyết tâm tranh thủ thời cơ, vượt qua mọi khó khăn thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tam Đường)